

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Kết luận số 02/KL-STC ngày 29/9/2022 của Giám đốc Sở Tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP SAI PHẠM TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ TỰ CHỦ NĂM 2021

ĐVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đơn vị báo cáo quyết toán	Số kiểm tra	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
Số hiệu	Ngày, tháng					
A	B	C	1	2	3=2-1	4
		1. Khoản tiền công tác phí theo tháng	16.500.000	0	-16.500.000	Đối tượng khoản công tác phí không được quy định tại khoản 3 Điều 4 Chương II Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
CK0004	21/01/2021	Khoản công tác phí hàng tháng cho công chức tháng 01/2021	1.200.000	0	-1.200.000	
CK0010	02/02/2021	Khoản công tác phí hàng tháng cho công chức tháng 02/2021	1.200.000	0	-1.200.000	
CK0015	05/03/2021	Khoản công tác phí hàng tháng cho công chức tháng 3/2021	1.200.000	0	-1.200.000	
NVK013	05/04/2021	Khoản công tác phí hàng tháng cho công chức tháng 4/2021	1.200.000	0	-1.200.000	
NVK017	04/05/2021	Khoản công tác phí hàng tháng cho công chức tháng 5/2021	1.200.000	0	-1.200.000	
NVK021	01/06/2021	Khoản công tác phí hàng tháng cho công chức tháng 6/2021	1.500.000	0	-1.500.000	
NVK025	06/07/2021	Khoản công tác phí hàng tháng cho công chức tháng 7/2021	1.500.000	0	-1.500.000	
NVK030	03/08/2021	Khoản công tác phí hàng tháng cho công chức tháng 8/2021	1.500.000	0	-1.500.000	
NVK035	06/09/2021	Khoản công tác phí hàng tháng cho công chức tháng 9/2021	1.500.000	0	-1.500.000	
NVK040	06/10/2021	Khoản công tác phí hàng tháng cho công chức tháng 10/2021	1.500.000	0	-1.500.000	
NVK045	01/11/2021	Khoản công tác phí hàng tháng cho công chức tháng 11/2021	1.500.000	0	-1.500.000	

Chứng từ		Diễn giải	Đơn vị báo cáo quyết toán	Số kiểm tra	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
Số hiệu	Ngày, tháng					
A	B	C	1	2	3=2-1	4
NVK053	02/12/2021	Khoản công tác phí hàng tháng cho công chức tháng 12/2021	1.500.000	0	-1.500.000	
		2. Phụ cấp độc hại, nguy hiểm	5.500.000	0	-5.500.000	
CK0004	21/01/2021	Chuyển tiền phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho công chức tháng 01/2021	400.000	0	-400.000	Công chức sử dụng máy vi tính không thuộc ngành nghề được hưởng phụ cấp độc hại, nguy hiểm theo quy định tại khoản 2 Mục II Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực chế độ phụ cấp độc hại nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức
CK0010	02/02/2021	Chuyển tiền phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho công chức tháng 02/2021	400.000	0	-400.000	
CK0015	05/03/2021	Chuyển tiền phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho công chức tháng 3/2021	400.000	0	-400.000	
NVK013	05/04/2021	Chuyển tiền phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho công chức tháng 4/2021	400.000	0	-400.000	
NVK017	04/05/2021	Chuyển tiền phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho công chức tháng 5/2021	400.000	0	-400.000	
NVK021	01/06/2021	Chuyển tiền phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho công chức tháng 6/2021	500.000	0	-500.000	
NVK025	06/07/2021	Chuyển tiền phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho công chức tháng 7/2021	500.000	0	-500.000	
NVK030	03/08/2021	Chuyển tiền phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho công chức tháng 8/2021	500.000	0	-500.000	
NVK035	06/09/2021	Chuyển tiền phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho công chức tháng 9/2021	500.000	0	-500.000	
NVK040	06/10/2021	Chuyển tiền phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho công chức tháng 10/2021	500.000	0	-500.000	
NVK045	01/11/2021	Chuyển tiền phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho công chức tháng 11/2021	500.000	0	-500.000	
NVK053	02/12/2021	Chuyển tiền phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho công chức tháng 12/2021	500.000	0	-500.000	

Chứng từ		Diễn giải	Đơn vị báo cáo quyết toán	Số kiểm tra	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
Số hiệu	Ngày, tháng					
A	B	C	1	2	3=2-1	4
		3. Phụ cấp công tác đảng	5.364.000	0	-5.364.000	
CK0004	21/01/2021	Chi tiền phụ cấp cấp ủy tháng 01/2021	447.000	0	-447.000	Sử dụng nguồn kinh phí tự chủ hành chính để chi phụ cấp công tác đảng là chưa phù hợp. Nội dung chi này được chi từ nguồn đảng phí được giữ lại, nguồn thu khác của tổ chức đảng và ngân sách nhà nước cấp (chênh lệch giữa dự toán được phê duyệt và đảng phí được trích giữ lại, thu khác của tổ chức đảng) theo quy định tại Điều 3 Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư quy định về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp; Điều 4 Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ các cấp trực tiếp cơ sở và khoản 2 Điều 5 Hướng dẫn số 21-HD/VPTW ngày 04/3/2013 của Văn phòng Trung ương. Mặt khác, trong năm 2021 ngân sách cũng không giao dự toán cho nội dung chi này.
CK0010	02/02/2021	Chi tiền phụ cấp cấp ủy tháng 02/2021	447.000	0	-447.000	
CK0015	05/03/2021	Chi tiền phụ cấp cấp ủy tháng 3/2021	447.000	0	-447.000	
NVK013	05/04/2021	Chi tiền phụ cấp cấp ủy tháng 4/2021	447.000	0	-447.000	
NVK017	04/05/2021	Chi tiền phụ cấp cấp ủy tháng 5/2021	447.000	0	-447.000	
NVK021	01/06/2021	Chi tiền phụ cấp cấp ủy tháng 6/2021	447.000	0	-447.000	
NVK026	06/07/2021	Chi tiền phụ cấp cấp ủy tháng 7/2021	447.000	0	-447.000	
NVK031	03/08/2021	Chi tiền phụ cấp cấp ủy tháng 8/2021	447.000	0	-447.000	
NVK036	06/09/2021	Chi tiền phụ cấp cấp ủy tháng 9/2021	447.000	0	-447.000	
NVK041	06/10/2021	Chi tiền phụ cấp cấp ủy tháng 10/2021	447.000	0	-447.000	
NVK046	01/11/2021	Chi tiền phụ cấp cấp ủy tháng 11/2021	447.000	0	-447.000	
NVK055	02/12/2021	Chi tiền phụ cấp cấp ủy tháng 12/2021	447.000	0	-447.000	
		4. Hợp đồng lao động kế toán	24.000.000	0	-24.000.000	
NVK004	21/01/2021	Thanh toán tiền hợp đồng làm công tác kế toán tháng 01/2021	2.000.000	0	-2.000.000	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Văn Canh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban
NVK007	02/02/2021	Thanh toán tiền hợp đồng làm công tác kế toán tháng 02/2021	2.000.000	0	-2.000.000	
NVK011	05/03/2021	Thanh toán tiền hợp đồng làm công tác kế toán tháng 3/2021	2.000.000	0	-2.000.000	

DVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đơn vị báo cáo quyết toán	Số kiểm tra	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
Số hiệu	Ngày, tháng					
A	B	C	1	2	3=2-1	4
NVK015	05/04/2021	Thanh toán tiền hợp đồng làm công tác kế toán tháng 4/2021	2.000.000	0	-2.000.000	nhân dân huyện Vân Canh cho nên người làm việc trong cơ quan này là công chức theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức; tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định hợp nhất số 04/NĐHN-BNV ngày 21/5/2019 của Bộ Nội vụ quy định: "không thực hiện việc ký hợp đồng lao động đối với các đối tượng sau: những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là công chức trong các cơ quan hành chính". Vì vậy việc Phòng Nông nghiệp ký hợp đồng lao động cho vị trí kế toán là chưa phù hợp theo các quy định trên.
NVK020	04/05/2021	Thanh toán tiền hợp đồng làm công tác kế toán tháng 5/2021	2.000.000	0	-2.000.000	
NVK022	01/06/2021	Thanh toán tiền hợp đồng làm công tác kế toán tháng 6/2021	2.000.000	0	-2.000.000	
NVK027	06/07/2021	Thanh toán tiền hợp đồng làm công tác kế toán tháng 7/2021	2.000.000	0	-2.000.000	
NVK032	03/08/2021	Thanh toán tiền hợp đồng làm công tác kế toán tháng 8/2021	2.000.000	0	-2.000.000	
NVK037	06/09/2021	Thanh toán tiền hợp đồng làm công tác kế toán tháng 9/2021	2.000.000	0	-2.000.000	
NVK042	06/10/2021	Thanh toán tiền hợp đồng làm công tác kế toán tháng 10/2021	2.000.000	0	-2.000.000	
NVK047	01/11/2021	Thanh toán tiền hợp đồng làm công tác kế toán tháng 11/2021	2.000.000	0	-2.000.000	
NVK058	02/12/2021	Thanh toán tiền hợp đồng làm công tác kế toán tháng 12/2021	2.000.000	0	-2.000.000	
		TỔNG CỘNG	51.364.000	0	-51.364.000	